

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình về xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ánh, ông Trần Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Búp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2022, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 531/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị Thu V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Tân Thuận B, xã Tân P, huyện Thanh B, tỉnh Đồng T.

- Bị đơn: Lê Văn C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng T.

(Chị V có mặt tại phiên tòa, anh C có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Phạm Thị Thu V trình bày: Bà và ông C quen biết nhau và quyết định đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn do ông C thường xuyên ghen tuông.

Trong thời gian chung sống bà là giáo viên có công việc giảng dạy ổn định và có vay tiền chăm lo cho gia đình. Còn ông C thì không có công việc ổn định. Do tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo đơn xin vắng mặt và biên bản ghi lời khai ngày 19/7/2022, ông Lê Văn C trình bày: Ông và bà V sống chung với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến ngày 14/3/2022 âm lịch, bà V tự ý bỏ đi, ông đã đi tìm nhưng không gặp. Hiện nay vẫn còn thương bà V, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện, quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Lê Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông C quen biết, tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân xã Tân Kiề, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/4/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà V cho rằng cuộc sống chung giữa bà và ông C không hạnh phúc vì ông C ghen tuông và thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên bà đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ ngày 14/3/2022 AI đến nay.

Đối với, ông C không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ. Nhưng giữa ông C và bà V đều không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, dẫn đến mâu

thuần trở nên trầm trọng, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án mời ông C đến hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng ông C xin vắng mặt, điều đó thể hiện không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình, chứng tỏ hai người không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà V và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà V phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng điều thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử. Như đã nhận định ở phần trên. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thu V được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà V phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0007887 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà V đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Bà V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND cùng cấp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Mai